

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG FICO BÌNH ĐỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG FICO BÌNH ĐỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH DINH FICO ENERGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FICO BDE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101560012

**3. Ngày thành lập:** 12/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 249 đường Hoàng Văn Thụ, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Sản xuất điện năng với số lượng lớn như hoạt động của các cơ sở sản xuất điện; bao gồm điện gió, điện mặt trời.                                                                                                                                         | 3511(Chính) |
| 2.  | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Chuyển điện từ nơi sản xuất đến các trung tâm phân phối và phân phối đến người sử dụng cuối cùng.                                                                                                                                        | 3512        |
| 3.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh bến cảng, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi                                                                         | 6810        |
| 4.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. | 6820        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng                                                                    | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng. Tư vấn đầu tư xây dựng công trình. Đo đạc bản đồ.                                                                                                                                                                               | 7110 |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |
| 8.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0810 |
| 9.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng chất, nguyên liệu và chất phụ gia phục vụ ngành xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0899 |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Chi tiết: Điều tra vào thị trường tiềm năng, sự chấp nhận và tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê.                                                                                                                                                                                            | 7320 |
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5510 |
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5610 |
| 13. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0891 |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6619 |
| 15. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở như: Nhà cho một hộ gia đình, nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng. Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4101 |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như: Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, ví dụ: nhà máy, xưởng lắp ráp...; bệnh viện, trường học, nhà làm việc; khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại; nhà ga hàng không; khu thể thao trong nhà; bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm; kho chứa hàng; nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng; lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng. | 4102 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 17. | Xây dựng công trình thủy<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy như: đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...; đập và đê; hoạt động nạo vét đường thủy.                                                                     | 4291                                                                |
| 18. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp chế biến, chế tạo không phải nhà như: nhà máy sản xuất hoá chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác; nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; nhà máy chế biến thực phẩm,... | 4293                                                                |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                              | 4299                                                                |
| 20. | Hoạt động phải bảo đảm điều kiện, Giấy phép Kinh doanh theo quy định                                                                                                                                                                                                | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 – CÔNG TY CỔ PHẦN | Tầng 15, Sailing Tower, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 658.125    | 6.581.250.000         | 13,162    | 0300402493                                                                                  |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Tổng số                   | 658.125    | 6.581.250.000         | 13,162    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC                                  | TT Q164 Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 60,000    | 012040910                                                                                   |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                       |                                                                                                   | Tổng số                   | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 60,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                       |                           |           |                |        |           |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN THU HƯƠNG | 218 Nguyễn Ái Quốc, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  | 141796778 |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                       | Tổng số                   | 1.341.875 | 13.418.750.000 | 26,837 |           |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần phổ thông         | 1.341.875 | 13.418.750.000 | 26,837 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012040910

Ngày cấp: 22/07/2011

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT Q164 Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TT Q164 Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định